

NGHIÊN CỨU

XÃ HỘI - NHÂN VĂN

VĂN HOÁ SÔNG NƯỚC TÂY NAM BỘ
TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN NGỌC TƯNguyễn Bá Long^{1*}, Phạm Phi Na²

Tóm tắt:

Nguyễn Ngọc Tư được biết đến như một nhà văn Nam Bộ tiêu biểu của văn học Việt Nam đương đại. Trong các tác phẩm của mình, dường như Nguyễn Ngọc Tư luôn dành những trang viết khắc họa văn hoá sông nước Tây Nam Bộ; coi đó như dấu ấn văn hoá đặc trưng của vùng. Bài viết tập trung làm rõ dấu ấn văn hoá ấy với những nội dung cụ thể sau đây: Vài nét về đặc điểm thổ nhưỡng vùng sông nước Tây Nam Bộ có ảnh hưởng và chi phối đến sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư; Nếp sinh hoạt của cư dân vùng sông nước Tây Nam Bộ; Dấu ấn và đóng góp của Nguyễn Ngọc Tư vào văn hóa sông nước Tây Nam Bộ.

Từ khóa: Văn hóa sông nước, Tây Nam Bộ, Nguyễn Ngọc Tư.

Abstract:

As a typical Southern writer of contemporary Vietnamese literary, in her writing, Nguyen Ngoc Tu always spends writing pages depicting the Southwest river culture as a typical cultural mark of this region. The article focuses on clarifying that cultural imprint with the following basic points: Adaptation with river topography in the Southwest region in Nguyen Ngoc Tu compositions; Lifestyle of people in the river region and Imprints of Nguyen Ngoc Tu's compositions on river culture in the Southwest region.

Keywords: River culture; The Southwest region; Nguyen Ngoc Tu.

1. Mở đầu

Thế kỷ XXI, chúng ta chứng kiến những đường cao tốc khánh thành, những chiếc cầu bắc qua con sông lớn. Đó là những nỗ lực lớn lao để phát triển kinh tế, xã hội nước nhà. Tuy nhiên, ở vùng đất cuối trời Tổ quốc, tại những cù lao, những cồn bãi, nơi bốn mặt là nước,

kênh, rạch bao quanh, đời sống văn hoá đậm chất sông nước vẫn đang hiện hữu trong đời sống thường nhật của cư dân nơi đây. Nó như những lớp trầm tích lưu giữ văn hoá sông nước từ lúc sơ khai cho đến ngày nay và cũng đang chịu tác động của mặt trái làn sóng đô thị hoá. Sinh ra và lớn lên tại vùng đất Cà Mau, cũng như những người dân bản địa khác, Nguyễn Ngọc Tư đắm mình trong không gian văn hoá sông nước Tây Nam Bộ; cũng chứng kiến sự tác động tiêu cực (mặt trái) của đô thị hóa đến vùng văn hóa này. Nó hiện hữu khá rõ nét

¹ Trường ĐH Cửu Long

² Trường CDSP Kiên Giang

* Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Bá Long
(Email: balong@gmail.com)

trong các sáng tác của chị. Bài viết của chúng tôi hướng tới làm rõ điều đó.

2. Vài nét về đặc điểm thổ ngời vùng sông nước Tây Nam Bộ có ảnh hưởng và chi phối đến sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư

Thổ ngời (thổ nghi) được hiểu là “tính chất của đất đai và khí hậu của một vùng, về mặt thích hợp hay không thích hợp với giống cây trồng, vật nuôi” (Hoàng Phê 1994: 916). Tuy nhiên, ta có thể hiểu một cách linh hoạt hơn, nội hàm của thổ ngời là đặc điểm địa hình, khí hậu, sinh thái tác động đến quá trình sinh sống của cư dân ở một vùng miền, một quốc gia hay một khu vực nhất định. Hiểu theo cách này ta thấy rất rõ sự tác động của môi trường sinh thái Tây Nam Bộ đến cư dân nơi đây.

Đặc trưng điều kiện tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có lẽ là yếu tố bồi đắp nên nó. “Đồng bằng sông Cửu Long là một châu thổ thấp, bằng phẳng, là sản phẩm bồi tụ của sông Mê Kông (...). Do là một địa phương cửa sông giáp biển nên việc bồi tụ vẫn đang tiếp diễn mỗi năm một kéo dài, nói rộng mũi Cà Mau” (Nguyễn Văn Chuộng 2017: 27). Địa hình lầm sông, nhiều rạch đã trở thành đặc điểm nổi bật của vùng. Hình ảnh ấy như một mã văn hóa ẩn tàng trong tiềm thức, trong ký ức của mỗi người dân nơi đây. Nguyễn Ngọc Tư cũng vậy. Những trang viết của chị luôn hiện hữu hình ảnh ấy như những trầm tích văn hóa vừa có sự kế thừa những nhà văn Nam Bộ đi trước vừa có nét riêng.

Đầu tiên, đặc điểm thổ ngời của vùng đã tác động đến việc chọn lựa đề tài và hệ thống nhân vật trong các sáng tác của chị. Dõi theo các tập truyện ngắn, tập văn cũng như tiểu thuyết của Nguyễn Ngọc Tư, ta thấy đề tài sông nước luôn chiếm số lượng đáng kể. Đặc biệt chị đã đặt tên cho tiểu thuyết đầu tay của

mình là *Sông*. Tác phẩm kể lại quá trình đi ngược dòng sông Di của nhân vật Ân. Hành trình ấy như một cuộc hành hương tìm về căn nguồn của nước. Về các nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư, hầu hết họ đều có sự “dính liểu” đến sông nước. Hoặc sinh sống trên những chiếc ghe, suốt quãng đời gắn với sông nước (trường hợp Giang và Thủy trong *Nhớ sông*), hoặc họ chọn cuộc đời thương hồ để lưu giữ ký ức về gia đình, về người thân (trường hợp người đàn bà trong *Dòng nhớ*). Cũng có khi sông nước lại giúp cho người muốn lần tránh. Nó cắt xẻ đất đai thành những cù lao, cồn bãi tách biệt với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. Ở đó chỉ có những chiếc đò thi thoảng mới lui tới. Một nơi lí tưởng cho những cuộc trốn tránh, ẩn thân (trường hợp nhân vật Di trong *Khói trời lơ lửng*). Nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư cũng là những con người mang đặc điểm của vùng sông nước: bơi lội giỏi, luôn biết chèo ghe, chống xuồng và luôn ẩn chứa trong họ tâm thức hồn hậu của miền đất này nên dù có đi đâu, làm nghề gì, khi về lại căn nhà quen thuộc ở ven sông hay góc cồn họ lại hòa nhịp ngay với nó. Đó là trường hợp của nhân vật Điệp (*Chuyện của Điệp*). Điệp là đào hát đi lưu diễn khắp xứ lâu lâu mới ghé thăm nhà nhưng luôn hòa vào nhịp sống của gia đình như một lẽ tự nhiên “không chờ tới gà gáy, Điệp lò mò dậy ra sau bếp bắc ấm nước pha trà” (Nguyễn Ngọc Tư 2018: 42).

Đặc điểm thổ ngời cũng hiện hữu trên những trang văn Nguyễn Ngọc Tư qua cách dùng địa danh và cách miêu tả cảnh vật. Đọc những tác phẩm của chị, người đọc nhất là người Tây Nam Bộ có cảm giác như được trở về với vùng sông nước xa xưa, khi làn sóng đô thị hoá chưa tràn tới, khi phương tiện giao thông là những chiếc xuồng, chiếc ghe. Lúc đó sông nước vừa là nguồn cung cấp tài nguyên nước, tài nguyên thủy sản vừa là

những tuyến giao thông chính. Đó là những vàm Cỏ Xước, kinh Thợ May, kinh Mười Hai, chợ Vàm Nước Chảy, xóm Rạch, kinh Ô Môi,... Gắn với những địa danh mang đậm dấu ấn sông nước là những cảnh vật cũng đậm sâu yếu tố sông nước. Đây là quang cảnh hai bên bờ của một dòng sông “Tàu chạy lừ lừ dọc theo dòng sông, những quãng không có nhà, sậy mọc thành. Những bông sậy chín mềm, trắng phau phau. Đã nhiều bông lìa cành, trùng trùng bay. Nước mặn rin rít da. Nghe gió này là mùa cưới đến” (Nguyễn Ngọc Tư 2018 :56). Đây là “con đường” nhân vật tôi đến thăm cháu mình “có xa xôi gì đâu, từ nhà tôi bơi dọc theo rạch Ô Môi, ngược lên hướng mặt trời mọc chừng trăm thước là đã tới nhà Trọng rồi, nhà trồng nhiều thiệt nhiều cây ô môi, bông đỏ, lá xanh (....) Hai bên đầu nhà trồng toàn vú sữa, cao lớn lắm (....) Dưới mé kinh còn nguyên một đám nga cao ngồng” (Nguyễn Ngọc Tư 2017c: 126).

Không chỉ là hệ đề tài, nhân vật, địa danh, cảnh vật, những ngành nghề xuất hiện trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư cũng phần nào có liên quan đến đặc điểm thổ nhưỡng của vùng. Lặp đi lặp lại trong những sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư là nghề nuôi vịt chạy đồng (*Cái nhìn Khắc Khoai, Cánh đồng bắt tận, Một dòng xuôi mãi miết,...*), nghề mua bán các mặt hàng thiết yếu từ thực phẩm cho đến đồ dùng hàng ngày trên những chiếc ghe nhỏ dọc theo các con kênh, con rạch mà người Tây Nam Bộ gọi là những ghe hàng (Nguyễn Ngọc Tư gọi đó là chợ trôi), nghề chạy tàu đưa khách,...

Như vậy, đặc điểm thổ nhưỡng Tây Nam Bộ đã có những tác động nhất định đến sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp nhận và biến hóa nó, Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo chắt lọc những đặc trưng thổ nhưỡng miền đưa vào trang viết của mình

góp phần làm thành dấu ấn riêng của chị đối với người đọc. Gắn với những ngành nghề, những công việc miền sông nước là những cảnh đời, những mảnh đời, những số phận với cái nhìn đậm chất nhân văn đôi khi mang chút huyền ảo (trường hợp *Nước như nước mắt, Sông*).

2. Nếp sinh hoạt của cư dân vùng sông nước Tây Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư

Từ đặc điểm địa lý đặc trưng của đồng bằng châu thổ lấm sông nhiều rạch, Nguyễn Ngọc Tư đã khắc họa trên trang văn của mình nếp sinh hoạt của cư dân Đồng bằng Sông Cửu Long với hai điểm cơ bản là cần cù, lam lũ gắn bó với sông nước và bao dung, hào phóng, nghĩa tình.

Những nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư phần lớn là những con người Tây Nam Bộ cần cù, lam lũ gắn bó với sông nước. Như đã nói ở trên, phần lớn các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư đề cập đến những ngành nghề gắn liền với sông nước trong đó nghề nuôi vịt chạy đồng như một “đặc sản”. Những người nuôi vịt chạy đồng có thể là những người nông dân vào lúc nông nhàn chăn bầy vịt vài trăm thậm chí vài ngàn con để mưu sinh chờ vụ mùa tiếp theo. Cũng có thể là những người chuyên lang bạt với bầy vịt, coi đó như tài sản duy nhất của họ. Do đặc thù nghề nghiệp, những người nuôi vịt chạy đồng luôn phải “chạy” trên những cánh đồng theo bước chân của mùa vụ. Do vậy cuộc mưu sinh của họ luôn lang bạt, nổi nênh. Đó là trường hợp của nhân vật ông Hai trong *Cái nhìn khắc khoai*: “Đời ông là một cuộc đời lang bạt. Một cuộc sống trên đồng khơi. Chòi cặm đâu cũng được, miễn có chỗ khô ráo cho ông nằm. (....) Ông ngồi bệt trên bờ mấu, khăn sọc cũ quần đùi, nón vải nâu lốm đốm mũ chuối. Ông ngó

lũ lụt và vấn điều thuốc châm lửa, phà khói lên trời” (Nguyễn Ngọc Tư 2019a: 16). Chỉ vài dòng nhưng Nguyễn Ngọc Tư đã thể hiện đầy đủ sự lam lũ và cực nhọc của họ.

Nghề thương hồ cũng là ngành nghề gắn liền với sông nước và cũng vất vả không kém. Trong tâm thức của người Tây Nam Bộ, người ta gọi những chiếc ghe nhỏ, buôn bán tạp hoá trên ghe có khi chứa cả một gia đình là những ghe hàng. Người bán ghe hàng thường là những người không có đất đai, tài sản của họ là chiếc ghe và cả gia đình họ chen chúc trên chiếc ghe ấy, mưu sinh cũng bằng chiếc ghe ấy (như gia đình ông Chín trong *Nhớ sông*, như cái “chợ trôi” của Bé trong *Sông*,...). Có thể nói những người sống trên những ghe hàng này là những cư dân gắn liền với sông nước nhất. Tuy họ sống vất vả nhưng do lâu ngày lênh đênh trên ghe nó đã trở thành một phần cuộc sống của họ nên khi phải dứt ra, họ nhớ đến quay quắt. Giang trong *Nhớ Sông* (Nguyễn Ngọc Tư 2019a) có cuộc sống lênh đênh trên chiếc ghe nhỏ với cha và em gái, mẹ Giang vì một lần chống chọi với mưa gió trên ghe mà gặp tai nạn, xác bà cũng gửi lại lòng sông. Cha Giang muốn cô đỡ khổ nên gả cô cho một gia đình ở trên bờ. Nhưng những lúc làm xong việc nhà, Giang lại xuống xuống chèo dọc theo sông đã đời rồi lại bơi về. Giang bơi vì nhớ sông!

Có lẽ nhân vật ông Hai hay Giang là những minh chứng sinh động cho con người Tây Nam Bộ mà Nguyễn Ngọc Tư muốn khắc hoạ. Họ là những con người lớn lên với sông nước, mưu sinh từ sông nước và do đó dù muốn hay không thì kiếp đời họ, thân phận họ cũng không thể tách rời sông nước.

Cư dân Tây Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư còn là những con người bao dung, hào phóng, nghĩa tình. Hào phóng, nghĩa tình có lẽ là những thuộc tính có tính truyền

thống và tạo thành nét tích cách nổi bật của cư dân Nam Bộ nói chung, người Tây Nam Bộ nói riêng. Do đã là truyền thống nên từ trang viết của các nhà văn thế hệ trước như Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam độc giả đã luôn bắt gặp những con người trượng nghĩa. Đến Nguyễn Ngọc Tư, những con người trượng nghĩa ấy hiện lên đông đảo trong các trang viết của chị. Đó là nhân vật ông Năm Nhỏ luôn lang thang nơi này nơi khác để tìm đứa con riêng của vợ tên là Cải suốt mười hai năm ròng. Thậm chí ông còn trộm đôi trâu để được lên tivi rao tìm con. Lời nhắn rất cảm thương, khó cầm lòng choặng: “Cải ơi, ba là Năm Nhỏ nè, nhà mình ở Cỏ Cháy đó, nhớ không? Về nhà đi con, tội má con vô vô có một mình. Con là trọng, chứ đôi trâu cộ nhằm nhò gì... Về nghe con, ơi Cải...” (Nguyễn Ngọc Tư 2019a: 16). Đó là anh Hết vì đền ơn mẹ của người yêu (mẹ của Hoài từng cho Hết bú nhờ vì anh mồ côi mẹ từ lúc chào đời) mà cũng vì mong cho người mình yêu có cuộc sống ấm êm, anh lấy có mê cò, tỏ ra mình tệ lậu để người yêu đi lấy chồng (*Hiu hiu gió bắc*). Ông Chín trong *Cuối mùa nhan sắc* vì thương cô đào Hồng mà từ bỏ cuộc sống giàu sang lặn lội theo đoàn sống đời gạo chợ nước sông. Có thể thấy, hầu hết các nhân vật Nguyễn Ngọc Tư xây dựng đều có lòng bao dung, nghĩa tình dù họ làm nghề gì, lứa tuổi, giới tính nào. Tuy nhiên, những nhân vật ấy không hề là những minh hoạ đơn giản cho ý đồ tác giả mà ở đây ta thấy những con người Tây Nam Bộ rất đời thường. Họ cũng có những toan tính cho mình nhưng nhìn chung lòng bao dung và nghĩa tình vẫn làm họ hành động theo theo tình thương, lòng trắc ẩn.

4. Dấu ấn và đóng góp của Nguyễn Ngọc Tư với văn hoá sông nước Tây Nam Bộ

Tái hiện văn hoá sông nước Tây Nam Bộ hay Nam Bộ trong sáng tác của mình không

phải đến Nguyễn Ngọc Tư mới có. Trước đó, người đọc cũng đã ấn tượng với những trang văn của Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam. Tuy nhiên, Nguyễn Ngọc Tư lại góp vào văn hoá sông nước Tây Nam Bộ nét riêng của mình từ việc tái hiện đời sống sông nước như hồi ức đẹp về một vùng quê dung dị, yên bình đến việc khắc hoạ những biến động của cuộc sống hiện đại tác động đến môi trường và đời sống nơi đây.

Trong những trang văn của Nguyễn Ngọc Tư, hình ảnh sông nước yên bình, thân thương của làng quê Tây Nam Bộ đã tạo thành dấu ấn với bạn đọc. Đây là hình ảnh hợp chợ miền sông nước: “Chợ họp ở trên một bờ kè cũ kỹ nằm dọc theo bến sông. Ai ngồi bán chỗ nào thì xuống ghe xuống buộc vô cái cọc đặng sau lưng” (Nguyễn Ngọc Tư 2017a: 30). Đây là khung cảnh làng quê quen thuộc ta dễ dàng bắt gặp ở sông rạch chằng chịt mà thím bảy đã vẽ để nhắc chồng mình sau mấy ngày chú đi nhậu chưa về “vẽ sông Cái Tàu cong cong ẹo ẹo qua rạch Giồng Ông, vẽ chòm cây trâm bầu dưới bến, cái nhà có bàn ông Thiên đặng trước, ghi chú rõ ràng Nhà Hai Hiệp” (Nguyễn Ngọc Tư 2017a: 42). Nguyễn Ngọc Tư cũng tái hiện lại cảnh quây quần lối xóm để chuẩn bị cho những bữa tiệc lớn như đám cưới, đám giỗ: “Vẫn còn tiếng lụp cụp rộn ràng của mấy cây dao chặt vào mặt thớt mù u. Vẫn tiếng nói cười xao động từng chòm nhóm của các chị, các dì trong nhà bếp. Tiếng máy đèn chạy tạch tề. Đứng trước rạp, nhóm ca cải lương dạo đờn lừng ta lừng từng rồi ai đó vô câu vọng cổ ngọt xót” (Nguyễn Ngọc Tư, 2019a, tr.40). Với những trang văn tái hiện khung cảnh làng quê vùng sông nước, dường như Nguyễn Ngọc Tư muốn góp thêm vào kho tàng văn học Nam Bộ những hình ảnh thiên nhiên, sinh hoạt cư dân của vùng như tô đậm thêm ấn tượng về vùng

sông nước Tây Nam Bộ với bạn đọc trong và ngoài nước. Đây có thể xem là một đóng góp đáng ghi nhận của nhà văn khi khắc hoạ văn hoá sông nước Tây Nam Bộ trong sáng tác của mình.

Bên cạnh việc khắc hoạ sự yên bình, mộc mạc của làng quê vùng sông nước, ấn tượng Nguyễn Ngọc Tư để lại cho bạn đọc còn là hình ảnh của một Tây Nam Bộ đang có những biến động dữ dội trước mặt trái của đô thị hóa. Cuộc sống hiện đại với những công trình đồ sộ, những toà nhà, những khu đô thị, những khu công nghiệp,... đã làm thay đổi rất lớn diện mạo vùng sông nước nhưng kéo theo đó là những đặc trưng vốn có của vùng đất được bao bọc bởi sông ngòi, kênh rạch cũng bị tác động và biến tướng. Thiên nhiên, hệ sinh thái của vùng đang bị xâm thực bởi đô thị hoá. Trong *Cánh đồng bắt tận*, Nguyễn Ngọc Tư đã tái hiện cảnh những cánh đồng khô héo, những cánh đồng chết. Sống giữa vùng sông nước nhưng cư dân lại thiếu nước sinh hoạt! Nước dưới những dòng kênh là những dòng chảy đầy phen, vàng khét, một dòng nước chết “lúa chết khô khi mới trở bông. Người ta không thể trồng đậu, trồng dưa vì thiếu nước. Bầy con nít giỡn nhoi trên những con kinh khô trơ lòng” (Nguyễn Ngọc Tư 2019a: 171). Nước không còn, sự sống cũng khô héo theo, con người cũng mất dần niềm vui sống “Ao Bà Mụ cạn trơ đáy đã ba mùa, từ người ta dọn sạch đám rừng cạnh ao xây dựng tượng đài đồ sộ (...). Dân buôn xuyên biên giới không còn đưa trâu bò qua xóm Ngò, (...). Mực nước ngằm trong xóm tụt sâu, giếng khoan rỉ ra thứ nước vàng nhờ nhờ. Xóm khát khô, cây cỏ không mọc nổi, lúa chết đến nên rạ rom chẳng bao nhiêu” (Nguyễn Ngọc Tư 2016: 93).

Bên cạnh những cánh đồng là những cù lao xa vắng, heo hút và u sầu: “Lúc vào nách

một con sông gầy gò chảy cắt qua đồng, Thổ Sầu như một đứa trẻ tuyệt vọng níu tìm vú mẹ (...). Ngó ra sau nhà thấy một cái vạt đồng trũng sâu, ngói lên mặt nước những bông lúa thừa thớt, xanh xao. Vườn cũ có vài cây vú sữa, mù u rụng trái đầy mặt đất, mấy bụi tre bụi trúc vút lên trời một chùm xanh ngắt...” (Nguyễn Ngọc Tư 2017b: 84). Không còn là những con sông mênh mông uốn lượn ôm lấy những cồn đất bồi đắp phù sa cho cây lành trái ngọt mà là con sông gầy gò và do vậy mặt đất cũng trũng sâu, bông lúa cũng xanh xao. Vẫn là cảnh cù lao, cồn bãi nhưng dường như những cồn bãi, cù lao ấy đang cố gắng thoi thóp vì những dòng sông không còn là nguồn cung cấp sự sống nữa. Không những thế, Nguyễn Ngọc Tư còn khắc họa trên trang viết của mình hình ảnh những dòng sông, những mạch máu của đồng bằng châu thổ nơi đây đang bị biến dị đến kinh ngạc. Trong tiểu thuyết *Sông*, Nguyễn Ngọc Tư khắc họa hành trình của nhân vật Ân đi du khảo sông Di. Chuyến khảo cứu đi tìm đầu nguồn con sông ấy, nhân vật Ân đã chứng kiến nhiều biến đổi của sông Di. Có chỗ sông bị bức tử, bị chèn ép bởi cư dân dọc hai bên bờ thành một dòng chảy nhỏ. Có đoạn sông hung hãn cuốn trôi tất cả, nhà cửa, ruộng vườn, vật dụng và cả con người. Nhưng sông Di lúc đầu không phải vậy. “Hồi xưa sông Di chỉ lấy đi những thứ nhỏ thôi (...) nó lấy kim chỉ và bao lưới trùm đầu tóc mươn. Nên mất gì cũng tỉnh bơ” (Nguyễn Ngọc Tư 2019b: 33). Càng về sau, khi con người tác động đến dòng sông mạnh mẽ hơn thì nó cũng hung bạo hơn và sẵn sàng cuốn đi mọi thứ. Sự thay đổi của thiên nhiên lại tác động mạnh mẽ đến cuộc sống con người. Nhân vật Vĩnh trong *Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ* phải tha hương vì ảnh hưởng của sông cuốn đi gia sản và người thân của mình: “Vĩnh sợ phải kiểm đếm lại những gì thuộc về quãng trước cái biến cố tiệm điện

máy của gia đình bị sông nuốt mất, lúc Vĩnh thi cuối năm thứ ba. Đất nứt ra, cả dãy phố nghiêng dần vào nước, chìm lìm. Ông anh Vĩnh tới ấy uống say không kịp chạy ra. Vĩnh thôi học, bỏ trường, làm trụ cột chống đỡ cho cha mẹ” (Nguyễn Ngọc Tư 2016: 74). Với cách tiếp cận riêng của mình, dường như Nguyễn Ngọc Tư đã đặt văn hoá sông nước Tây Nam Bộ trong mối tương quan với mặt trái của đô thị hoá. “Những cánh đồng trở thành đô thị, những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát, những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rầy mọc hoang nhớ đau nhớ đón bàn chân xưa nghên trong bùn quánh giờ đang vất vưởng kiếm sống ở thị thành” (Nguyễn Ngọc Tư 2019a:123- 124). Mặt trái đô thị hoá, đô thị lấn áp những cánh đồng đã tạo nên một cơn “địa chấn” mạnh mẽ. Nếu chúng ta không nhận thức rõ hiện trạng đang xảy ra thì vùng sông nước Tây Nam Bộ hiện hoà, trù phú, vừa lúa của cả nước có thể sẽ chỉ còn là ký ức.

5. Kết luận

Từ những trang viết giàu chất suy nghiệm, Nguyễn Ngọc Tư đã khắc họa văn hoá sông nước Tây Nam Bộ với những nét cơ bản nhất của vùng. Thổ ngời Tây Nam Bộ lắm sông nhiều rạch đã tác động mạnh mẽ đến cách viết, cách xây dựng khung cảnh và con người trong những trang văn của chị. Bên cạnh đó, việc khắc họa nếp sinh hoạt của cư dân Tây Nam Bộ gắn chặt với sông nước dường như trở thành mã văn hóa của vùng. Những yếu tố ấy góp phần làm nên đặc sắc cho sáng tác của của Nguyễn Ngọc Tư. Tuy nhiên, dấu ấn sâu đậm mà các sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư gieo vào lòng người đọc có lẽ là việc khắc họa những biến động dữ dội của vùng đất này trước mặt trái của đô thị hoá. Đô thị hóa là một tất yếu nhưng ứng phó với nó như thế nào để những trầm tích văn hóa của vùng không bị mai

một, chìm vào kí ức dường như là nỗi trăn trở lớn trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư. Nó góp thành một hồi chuông cảnh báo để chúng ta lưu ý hơn đến nơi chúng ta đang sống. Và do đó, những trang viết của chị không chỉ có giá trị văn học mà còn có giá trị văn hoá xã hội rất lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Phê (chủ biên) (1994). *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Khoa học Xã hội.
- [2]. Nguyễn Ngọc Tư (2016). *Không ai qua sông*. Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [3]. Nguyễn Ngọc Tư (2017a). *Khói trời lộng lẫy* (tái bản lần thứ nhất). Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [4]. Nguyễn Ngọc Tư (2017b). *Gió lẻ và 9 câu*
- [5]. Nguyễn Ngọc Tư (2017c). *Đường về nhà* (tái bản lần thứ nhất). Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [6]. Nguyễn Ngọc Tư (2017d). *Đường về nhà* (tái bản lần thứ hai). Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [7]. Nguyễn Ngọc Tư (2017e). *Đường về nhà* (tái bản lần thứ ba). Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [8]. Nguyễn Ngọc Tư (2019b). *Sông* (in lần thứ 15). Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ.
- [9]. Nguyễn Văn Chuông (2017). “Đặc trưng văn hoá vùng Tây Nam Bộ và sự giao lưu, tiếp biến trong các quan hệ tộc người”, *tạp chí Nghiên cứu Văn hoá*, số 21.